

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	178223005	Phạm Tiến	Hoàng	T17XDC	9				9				8	8.5	Tám phẩy Năm		
2	178223012	Trần Chiêm	Phước	T17XDC	9				9				8	8.5	Tám phẩy Năm		
3	178223014	Nguyễn Văn	Phương	T17XDC	8				7.5				6	6.8	Sáu phẩy Tám		
4	178223027	Hoàng	Tùng	T17XDC	8				8				7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
5	178223021	Nguyễn Thành	Trung	T17XDC	8				7.5				7	7.3	Bảy phẩy Ba		
6	178223017	Nguyễn Văn	Thức	T17XDC	9				7.5				7	7.5	Bảy phẩy Năm		
7	178223018	Nguyễn Hồng	Tráng	T17XDC	9				7.5				7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
8	178223019	Đặng Hữu	Trung	T17XDC	8				7				6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
9	178223028	Lê Đức	Việt	T17XDC	7				7.5				7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
10	178223003	Nguyễn Văn	Hạnh	T17XDC	7.5				7				7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
11	168222095	Lê Quang	Long	T17XDC	7.5				7				6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
12	178223016	Trương Văn	Thịnh	T17XDC	8				7.5				6	6.8	Sáu phẩy Tám		
13	178223024	Võ Ngọc	Trung	T17XDC	5.5				0				V	0.0	Không		
14	178223002	Đinh Mạnh	Hà	T17XDC	8.5				8.5				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
15	178223004	Lý Xuân	Hiếu	T17XDC	7.5				7				6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
16	178222999	Lưu Văn	Cường	T17XDC	9				9				7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
17	178223013	Nguyễn Phước Hoàng	Phương	T17XDC	9				8				6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
18	178223001	Đặng Hữu	Đông	T17XDC	7				7				7	7.0	Bảy		
19	178223010	Nguyễn Hữu	Khoa	T17XDC	6				6				6	6.0	Sáu		
20	178222998	Đặng Quý	Bình	T17XDC	9				8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	19	95%	
2	Số sinh viên nợ	1	5%	
TỔNG CỘNG :		20	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân